

TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 2 – ĐỒNG THÁP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 87/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 08/9/2025

Về “xin ly hôn, nuôi con chung”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 – ĐỒNG THÁP

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Văn Lắm;

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Thanh Duy;

2. Ông Dương Vương Đạo;

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Đào Tuấn Đạt – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 2 – Đồng Tháp.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 – Đồng Tháp tham gia phiên tòa:** Ông Đoàn Khắc Huy – Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 9 năm 2025 tại trụ sở 4 Tòa án nhân dân khu vực 2 – Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 64/2025/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 5 năm 2025 về tranh chấp “Ly hôn, nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 142/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 01 tháng 8 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 158/2025/QĐST-HNGĐ ngày 20 tháng 8 năm 2025, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** chị **Lương Thị Bích T**, sinh năm 1981;

Địa chỉ: ấp B, xã P, huyện T, tỉnh Tiền Giang (nay là ấp B, xã T, tỉnh Đồng Tháp);

- **Bị đơn:** anh **Nguyễn Quốc T**, sinh năm 1979;

Địa chỉ: ấp B, xã P, huyện T, tỉnh Tiền Giang (nay là ấp B, xã T, tỉnh Đồng Tháp);

(Chị T có đơn xin xét xử vắng mặt; anh T vắng mặt không lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Quá trình tố tụng nguyên đơn **chị Lương Thị Bích T** trình bày: Qua tìm hiểu, chị và anh **Nguyễn Quốc T** tự nguyện tiến tới hôn nhân và tổ chức lễ cưới vào năm 2000, anh chị có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện G, tỉnh Tiền Giang. Sau khi kết hôn, anh chị sống chung với bên nhà anh T. Quá

trình chung sống hạnh phúc được một thời gian, đến năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung, vợ chồng anh chị thường xuyên cãi vã. Chị và anh T đã sống ly thân từ năm 2020 cho đến nay. Nay cảm thấy tình cảm không còn, chị yêu cầu ly hôn với anh T.

- Về con chung: Có 03 con chung tên Nguyễn Anh T, sinh ngày 22/4/2001, cháu Nguyễn Quốc K, sinh ngày 05/5/2003 và cháu Nguyễn Anh T1, sinh ngày 02/02/2008. Hiện cháu T và cháu K đã trưởng thành và có khả năng lao động được nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết. Đối với cháu T1 đang sống chung với chị T. Khi ly hôn chị yêu cầu được tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng cháu T1 và không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Bị đơn anh Nguyễn Quốc T mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của **chị T**, đồng thời vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng.

* Tại phiên tòa, nguyên đơn **chị Lương Thị Bích T** có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn **anh Nguyễn Quốc T** vắng mặt không lý do.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 – tỉnh Đồng Tháp phát biểu quan điểm:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã chấp hành theo đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án.

- Về nội dung: Đối với yêu cầu xin ly hôn của **chị Lương Thị Bích T** là có cơ sở, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của **chị T**.

Về con chung: **Chị T** yêu cầu tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng con chung tên **Nguyễn Anh T1**, sinh ngày 02/02/2008, **anh T** vắng mặt không có ý kiến, nên đề nghị để **chị T** tiếp tục nuôi cháu T1. Về cấp dưỡng nuôi con, **chị T** tự nguyện không yêu cầu **anh T** cấp dưỡng nuôi con chung, đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận.

Về tài sản chung: tự thỏa thuận, đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

Về nợ chung: không có, đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Về quan hệ pháp luật: **Chị T** khởi kiện yêu cầu ly hôn với **anh T**, **chị T** yêu cầu được trực tiếp nuôi con nên xác định đây là tranh chấp “ly hôn, nuôi con chung” được quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bị đơn hiện cư trú tại xã T, tỉnh Đồng Tháp nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 2 – Đồng Tháp theo quy định tại Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về sự vắng mặt của nguyên đơn và bị đơn: Nguyên đơn **chị Lương Thị Bích T** có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn **anh Nguyễn Quốc T** được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ 2, nhưng vẫn vắng mặt không lý do, không vì sự kiện bất khả kháng. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt **chị T** và **anh T**.

[2] Đối với yêu cầu xin ly hôn của **chị Lương Thị Bích T**, Hội đồng xét xử xét thấy: Hôn nhân giữa **chị T** và **anh T** trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm điều kiện kết hôn; hôn nhân có đăng ký và được Ủy ban nhân dân xã P, huyện G, tỉnh Tiền Giang cấp giấy chứng nhận kết hôn số 07 ngày 12/6/2007 (nay là xã T, tỉnh Đồng Tháp), nên xác định là hôn nhân hợp pháp. **Chị T** xin ly hôn với lý do bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung, vợ chồng **anh chị** thường xuyên cãi vã; và hai người đã ly thân với nhau từ năm 2020 đến nay.

Đối với **anh T**, kể từ khi Tòa án thụ lý vụ án cho đến tại phiên tòa sơ thẩm, Tòa án đã triệu tập **anh T** nhiều lần để tạo điều kiện cho **anh chị** hàn gắn mối quan hệ vợ chồng, nhưng **anh T** vẫn vắng mặt không có lý do và cũng không gửi văn bản trình bày ý kiến, cho thấy **anh T** không còn quan tâm đến hạnh phúc gia đình, không có thiện chí hàn gắn tình cảm. Như vậy, **anh T** đã mặc nhiên thừa nhận vợ chồng chung sống có xảy ra những mâu thuẫn như **chị T** trình bày. Hội đồng xét xử xét thấy hôn nhân của **anh chị** đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu của **chị T**, cho **chị** được ly hôn với **anh T** là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] Về con chung: Có 03 con chung tên Nguyễn Anh T, sinh ngày 22/4/2001, cháu Nguyễn Quốc K, sinh ngày 05/5/2003 và cháu Nguyễn Anh T1, sinh ngày 02/02/2008. Hiện cháu T và cháu K đã trưởng thành và có khả năng lao động được, **chị** không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét. Đối với cháu T1 đang sống chung với **chị T**, khi ly hôn **chị** yêu cầu được tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng cháu T1. Xét **anh T** không có ý kiến gì về yêu cầu nuôi con của **chị T** và nguyện vọng của các cháu cũng muốn được

tiếp tục sống với mẹ. Do vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu nuôi con của chị T.

Về cấp dưỡng nuôi con: chị T không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung. Xét đây là sự tự nguyện của chị T, nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[4] Về tài sản chung: Chị T đề nghị để vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết; nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về nợ chung: Chị T xác định không có; nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí: Chị T phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định pháp luật.

[7] Xét ý kiến và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 – Đồng Tháp là có căn cứ và phù hợp với nhận định trên, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228, Điều 238, Điều 147, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

- Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lương Thị Bích T.

1. Cho chị Lương Thị Bích T được ly hôn với anh Nguyễn Quốc T.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Anh T1, sinh ngày 02/02/2008 cho chị Lương Thị Bích T tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Ghi nhận việc chị Lương Thị Bích T không yêu cầu anh Nguyễn Quốc T cấp dưỡng nuôi con chung.

- Anh Nguyễn Quốc T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Lương Thị Bích T phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí mà chị đã nộp theo biên lai thu số 0010842 ngày 13/5/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Phú Đông, tỉnh Tiền Giang (nay là Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Tháp); xem như chị T đã thi hành xong án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được thông đạt bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- VKSND KV2 – Đồng Tháp;
- THADS tỉnh Đồng Tháp;
- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- UBND xã T, tỉnh Đồng Tháp;
- Các đương sự;
- Lưu: HS, AV.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Đặng Văn Lắm